

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-PT

Ngày 15/3/2021

*“V/v tranh chấp chia tài sản  
chung của vợ chồng sau khi ly  
hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hà.

*Các thẩm phán:* Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Ông Nguyễn Hải Vinh.

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Thìn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2020/TLPT-HNGĐ ngày 30/11/2020, về việc “Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn”.

Do bản án sơ thẩm số 86/2020/HNGĐ-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lục N bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐ-PT ngày 01/3/2021, giữa các đương sự:

***\* Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đại Giáp, xã Đại L, huyện Lạng Gi, tỉnh B.

***\* Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1972 (Có mặt).

Đều có địa chỉ: Thôn Dốc, xã Phương S, huyện Lục N, tỉnh B.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Đoàn Văn T, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Dốc, xã Phương S, huyện Lục N, tỉnh B.

2. Chị Đoàn Thị Kh, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Sơn Đình, xã Thanh L, huyện Lục N, tỉnh B.

3. Chị Đoàn Thị V, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đại Giáp, xã Đại L, huyện Lạng Gi, tỉnh B.

4. Anh Đoàn Văn Đ, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Dốc, xã Phương S, huyện Lục N, tỉnh B.

5. Chị Đoàn Thị N, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Dĩnh Lục 1, xã Tân D, huyện Lạng Gi, tỉnh B.

6. UBND huyện Lục N, tỉnh B (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Qu, chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lục N (có đơn xin xét xử vắng mặt).

7. UBND xã Phương S, huyện Lục N, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn C, chức vụ: Chủ tịch UBND xã Phương S (có đơn xin xét xử vắng mặt)

\* **Người kháng cáo:** Anh Nguyễn Văn C - là bị đơn.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:*

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2019, đơn sửa đổi bổ sung ngày 05/02/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ch trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau từ năm 1992. Năm 2017 do phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị đã làm đơn xin ly hôn anh C. Tại Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 194/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục N đã giải quyết cho chị và anh C được ly hôn.*

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Nguyễn Thị Thảo, sinh năm 1994 và Nguyễn Văn Trung, sinh năm 1997, các cháu đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Chị xác định quá trình chung sống với anh C vợ chồng phát triển được tài sản gồm:

- 01 thửa đất diện tích 847,3m<sup>2</sup> (trong đó có 300m<sup>2</sup> đất ở và 547,3 m<sup>2</sup> đất vườn) tại thôn Dốc, xã Phương S, huyện Lục N, tỉnh B. Nguồn gốc thửa đất này là do chị và anh C mua khoảng năm 1994 của Hợp tác xã Vân Sơn, khi mua phải nộp tiền. Năm 2000 được UBND huyện Lục N cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất lần đầu. Năm 2006 được đo đạc lại và cấp đổi lần hai cho hộ ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Ch.

Tài sản gắn liền với đất gồm: 01 nhà trần, nhà bếp, công trình phụ, sân gạch, 01 giếng đào, 01 giếng khoan, nhà tắm và cây trên đất.

- Thửa đất lâm nghiệp 902m<sup>2</sup> tại thôn Dốc, xã Phương S, huyện Lục N, tỉnh B. Nguồn gốc thửa đất này chị và anh C mua của ông Đoàn Văn Hùng và bà Đỗ

Thị Lật ở cùng thôn vào năm 1997. Ngoài ra, chị không yêu cầu giải quyết tài sản nào khác.

Toàn bộ tài sản trên do anh C đang quản lý, sử dụng. Khi vợ chồng chị mua đất, xây nhà và sắm các tài sản các con chị khi đó còn nhỏ, không có công sức đóng góp gì nên các cháu không yêu cầu phân chia tài sản chung.

Quá trình phát triển tài sản chị và anh C đều đi làm và có thu nhập, công sức đóng góp bằng nhau nên chị đề nghị chia đôi giá trị tài sản. Chị đề nghị được một nhận phần đất ở, đất vườn không có nhà và thửa đất rừng. Phần đất có nhà, có cây và công trình phụ giao cho anh C sử dụng và trích chia cho chị phần giá trị chênh lệch. Ngoài ra chị không yêu cầu phân chia tài sản nào khác.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 01/4/2020 anh Nguyễn Văn C là bị đơn trình bày thống nhất với chị Ch về con chung và tài sản chung. Nay chị Ch yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng anh không nhất trí, quan điểm của anh là để lại hết tài sản cho các con. Anh không yêu cầu giải quyết.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Anh Đoàn Văn T, Đoàn Thị Kh; Chị Đoàn Thị V, anh Đoàn Văn Đ, Chị Đoàn Thị N khai: Anh, chị là con đẻ của ông Đoàn Văn Hùng và bà Đỗ Thị Lật. Ông Hùng mất năm 2006, bà Lật mất năm 2007. Các anh, chị được biết khoảng năm 1993-1994 bố mẹ anh, chị có thửa đất lâm nghiệp diện tích khoảng 720m<sup>2</sup> tại khu Rừng Thủ Giao thuộc Thôn Dốc, xã Phương S, huyện Lục N, tỉnh B. Năm 1997 bố mẹ anh, chị đã chuyển nhượng lại cho anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị Ch ở cùng thôn. Từ đó đến nay anh C, chị Ch sử dụng, ổn định, công khai liên tục và đã xây tường vành lao ngăn cách, các anh, chị không có ý kiến gì về việc bố, mẹ anh, chị đã chuyển nhượng và đến nay không có yêu cầu, đề nghị gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện Lục N do ông Nguyễn Văn Qu đại diện theo ủy quyền trình bày: Theo lời khai của anh C, chị Ch thì khoảng năm 1997 anh C, chị Ch có nhận chuyển nhượng thửa đất khoảng 720m<sup>2</sup> tại thôn Dốc, xã Phương S, huyện Lục N, tỉnh B của ông Đoàn Văn Hùng và bà Đỗ Thị Lật (Ông Hùng, bà Lật đã chết) nhưng hai bên không đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục nên đến nay vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã Phương S, huyện Lục N do ông Đỗ Văn C đại diện trình bày thống nhất với ý kiến của UBND huyện Lục N về việc anh C chị Ch khai nhận chuyển nhượng thửa đất lâm nghiệp khoảng 720m<sup>2</sup> tại thôn Dốc, xã Phương S, huyện Lục N, tỉnh B của ông Đoàn Văn Hùng và bà Đỗ Thị Lật (Ông Hùng, bà Lật đã chết). Chị Ch, anh C quản lý và sử dụng công khai liên tục từ đó cho đến nay không có tranh chấp với ai, nhưng do không đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa được cấp.

Với nội dung trên bản án sơ thẩm số 86/2020/HNGĐ-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lục N đã xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS; Điều 33; 59; 62 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 24, 26, 27 Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Giao cho chị Ch được quyền sử dụng diện tích 229.6 m<sup>2</sup> (trong đó có 100m<sup>2</sup> ở và 129.6m<sup>2</sup> đất vườn), địa chỉ thôn Dốc, xã Phương S, huyện Lục N, tỉnh B, tại thửa số 94, tờ bản đồ số 1, Giấy chứng nhận QSDĐ số AI 849239, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ H01134 ngày 20/12/2006. Có các cạnh 7 -8 dài 4.05m; 8-17 dài 41.57 m; 17-18 dài 7.71m; 18-7 dài 38.83m, trị giá 118.656.000 đồng (có sơ đồ kèm theo)

Tạm giao cho chị Ch quyền sử dụng 902m<sup>2</sup> đất lâm nghiệp tại thôn Dốc, xã Phương S, huyện Lục N, tỉnh B, được đo vẽ tại bản đồ địa chính thửa số 95. Có các cạnh: 8-9 dài 7.73, 9-10 dài 33.40, 10-11 dài 20.87, 11-12 dài 15.77, 12-13 dài 4.40, 13-14 dài 1.30, 14-15 dài 0.63, 15-16 dài 0.43, 16-17 dài 37.35, có trị giá 13.530.000 đồng; 16 cây vải trị giá 47.856.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chị Ch được hưởng là 180.042.000 đồng (có sơ đồ kèm theo)

Giao cho anh Nguyễn Văn C được quyền sở hữu và sử dụng thửa đất 617.7 m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở, 417.7m<sup>2</sup> đất vườn), địa chỉ: Thôn Dốc, xã Phương S, huyện Lục N, tỉnh B, tại thửa số 94, tờ bản đồ số 1, Giấy chứng nhận QSDĐ số AI 849239, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ H01134 ngày 20/12/2006. Có các cạnh: 1-2 dài 8.60; 2-3 dài 0.52; 3-4 dài 14.37; 4-5 dài 7.15; 5-6 dài 5.39; 6-7 dài 9.74; 7- 18 dài 38.38, trị giá 294.372.000 đồng (có sơ đồ kèm theo). Tài sản trên đất có 01 nhà cấp 3, trị giá 105.537.000 đồng; Nhà bếp cũ trị giá 3.976.000 đồng; công trình phụ loại C trị giá 1.255.000 đồng; sân gạch trị giá 3.149.600 đồng; giếng đào trị giá 5.360.000 đồng; 01 giếng khoan trị giá 2.860.000 đồng; nhà tắm trị giá 77.000 đồng; 12 cây vải trị giá 35.892.000 đồng; 1 cây xoài trị giá 1.016.000 đồng; 06 cây bưởi trị giá 9.354.000 đồng; 02 cây nhãn trị giá 1.516.000 đồng; 01 cây Na trị giá 821.000 đồng, tổng 171.058.600 đồng.

Tổng toàn bộ tài sản anh C được chia là 465.185.600 đồng.

Anh C trích chia giá trị tài sản chênh lệch cho chị Ch 142.571.800 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi án sơ thẩm xử xong, ngày 21/10/2020 anh Nguyễn Văn C là bị đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Nội dung kháng cáo: Anh không đồng ý với bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Anh đi làm ăn xa không về được, nay anh yêu cầu điều tra làm đúng sự việc chị Nguyễn Thị Ch đòi chia tài sản của anh.

Chị Ch nghe lời xúi giục của người khác nên anh không chấp nhận bản án của Tòa án nhân dân huyện Lục N.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:* Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ch không rút đơn khởi kiện, bị đơn là anh Nguyễn Văn C không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh không đồng ý với bản án sơ thẩm, anh không đồng ý chia tài sản chung, anh xác định để lại cho các con. Anh xác định toàn bộ tài sản trên là tài sản riêng của anh nên anh không đồng ý chia. Đối với thửa đất ở là của bố mẹ anh để lại. Đối với thửa đất lâm nghiệp vợ chồng nhận chuyển nhượng lại nhưng anh cũng không đồng ý chia vì chị Ch không đủ tư cách. Tại trích lục ly hôn trước đó không giải quyết gì về tài sản nay chị Ch yêu cầu chia là không đúng.

- Chị Nguyễn Thị Ch trình bày: Chị không đồng ý với kháng cáo của anh C. Chị đề nghị giải quyết toàn bộ tài sản, đất ở, đất vườn, đất rừng đều chia đôi, ruộng canh tác để cho chị còn có đất để ở và ổn định cuộc sống an cư lạc nghiệp vì hiện nay chị không có đất để ở.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đoàn Thị V trình bày: Năm 1997 bố mẹ chị là ông Hùng, bà Lịt đã chuyển nhượng cho vợ chồng anh C, chị Ch diện tích đất lâm nghiệp khoảng hơn 700m<sup>2</sup> nay bố mẹ chị đã chết các anh em trong gia đình chị không ai có ý kiến tranh chấp gì đối với Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bố mẹ chị và anh C, chị Ch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật; về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đoàn Văn T, chị Đoàn Thị Kh, anh Đoàn Văn Đ, chị Đoàn Thị N, Ủy ban nhân dân huyện Lục N, Ủy ban nhân dân xã Phương S chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn C, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lục N. Do kháng cáo của anh C không được chấp nhận nên anh C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn C được nộp trong thời hạn quy định của pháp luật và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273; Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; Điều 27; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do đó, kháng cáo của anh C là hợp lệ và HĐXX chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Văn Cường về việc không đồng ý với bản án sơ thẩm, không đồng ý chia tài sản chung, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Nguyễn Thị Ch và anh Nguyễn Văn C chung sống với nhau từ năm 1992. Năm 2017 được giải quyết ly hôn tại Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 194/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục N. Nay chị Ch yêu cầu chia tài sản chung, Chị Ch và anh C thống nhất có tài sản chung gồm:

Thửa đất diện tích 847,3m<sup>2</sup> (trong đó có 300m<sup>2</sup> đất ở và 547,3 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) tại thôn Dốc, xã Phương S, huyện Lục N, tỉnh B. Có giá trị 413.028.000 đồng.

Tài sản trên đất có 01 nhà cấp 3, trị giá 105.537.000 đồng; Nhà bếp cũ trị giá 3.976.000 đồng; công trình phụ loại C trị giá 1.255.000 đồng; sân gạch trị giá 3.149.600 đồng; giếng đào trị giá 5.360.000 đồng; 01 giếng khoan trị giá 2.860.000 đồng; nhà tắm trị giá 77.000 đồng; 28 cây vải trị giá 83.748.000 đồng; 1 cây xoài trị giá 1.016.000 đồng; 06 cây bưởi trị giá 9.354.000 đồng; 02 cây nhãn trị giá 1.516.000 đồng; 01 cây Na trị giá 821.000 đồng, tổng 218.669.600 đồng.

Thửa đất lâm nghiệp 902m<sup>2</sup> tại thôn Dốc, xã Phương S, huyện Lục N, tỉnh B trị giá 13.530.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản: 645.227.600 đồng.

Nay chị Ch yêu cầu chia đôi giá trị tài sản và đề nghị được nhận một phần đất ở, đất vườn và đất lâm nghiệp, cây trên đất. Phần đất ở có nhà, đất vườn công trình phụ, cây trên đất giao cho anh C sở hữu, sử dụng.

Xét tài sản chung có được là do công sức của hai vợ chồng cùng tạo lập và có công sức đóng góp ngang nhau nên căn cứ các Điều 33; 59; 62 của Luật hôn nhân

và gia đình cần chia đôi mỗi người được hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản. Anh C không đồng ý chia và xác định để lại cho các con, nhưng chị Ch không đồng ý. Xét chị Ch, anh C đều có nhu cầu sử dụng đất nên cần giao cho mỗi bên sử dụng một phần đất và được nhận phần tài sản trên đất.

Giao cho chị Ch được quyền sử dụng diện tích 229.6m<sup>2</sup> (trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở và 129.6m<sup>2</sup> đất vườn) tại thôn Dốc, xã Phương S, huyện Lục N, tỉnh B, có trị giá 118.656.000 đồng.

Do thừa đất lâm nghiệp 902m<sup>2</sup> tại thôn Dốc, xã Phương S, huyện Lục N, tỉnh B chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chính quyền địa phương xác định chưa đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận QSDĐ nên tạm giao cho chị Ch được quyền sử dụng thừa đất trên, trị giá thừa đất 902m<sup>2</sup> có giá trị 13.530.000 đồng; tài sản trên đất có 16 cây vải, trị giá 47.856.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chị Ch được chia là 180.042.000 đồng.

Giao cho anh Nguyễn Văn C được quyền sở hữu và sử dụng thừa đất 617.7 m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở, 417.7m<sup>2</sup> đất vườn), trị giá 294.372.000 đồng. Tài sản trên đất có 01 nhà cấp 3, trị giá 105.537.000 đồng; Nhà bếp cũ trị giá 3.976.000 đồng; công trình phụ loại C trị giá 1.255.000 đồng; sân gạch trị giá 3.149.600 đồng; giếng đào trị giá 5.360.000 đồng; 01 giếng khoan trị giá 2.860.000 đồng; nhà tắm trị giá 77.000 đồng; 12 cây vải trị giá 35.892.000 đồng; 1 cây xoài trị giá 1.016.000 đồng; 06 cây bưởi trị giá 9.354.000 đồng; 02 cây nhãn trị giá 1.516.000 đồng; 01 cây Na trị giá 821.000 đồng. Tổng 170.813.600 đồng.

Tổng toàn bộ tài sản anh C được chia là 465.185.600 đồng. Như vậy, bản án sơ thẩm đã giao cho anh C sở hữu, quản lý sử dụng 617.7m<sup>2</sup> và toàn bộ tài sản trên đất, chỉ giao cho chị Ch phần đất không có tài sản trên đất là phù hợp và tạo điều kiện để anh C ổn định cuộc sống.

Anh C trích chia giá trị chênh lệch tài sản cho chị Ch 142.517.800 đồng.

[2.2]. Quá trình chung sống chị Ch và anh C có 02 con chung là Nguyễn Thị Thảo, sinh năm 1994 và Nguyễn Văn Trung, sinh năm 1997. Đều đã trưởng thành. Cả chị Ch, anh C, cháu Trung và cháu Thảo đều xác định khi mua đất, xây nhà và sắm các tài sản các cháu còn nhỏ, không có công sức đóng góp gì. Nay không ai yêu cầu phân chia nên không xem xét.

- Tại cấp phúc thẩm anh C trình bày toàn bộ tài sản là tài sản riêng của anh, thừa đất ở là do bố mẹ anh cho anh nhưng anh không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc các tài sản chị Ch yêu cầu chia là tài sản riêng của anh và anh C cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không có căn cứ xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo không đồng ý chia tài sản chung của anh C.

[3].Từ nhận định, phân tích trên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

**[4].Về án phí phúc thẩm:** Do kháng cáo của anh C không được chấp nhận, nên anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS; Điều 33; 59; 62 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 24, 26, 27 Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Giao cho chị Ch được quyền sử dụng diện tích 229.6 m<sup>2</sup> (trong đó có 100m<sup>2</sup> ở và 129.6m<sup>2</sup> đất vườn), địa chỉ thôn Dốc, xã Phương S, huyện Lục N, tỉnh B, tại thửa số 94, tờ bản đồ số 1, Giấy chứng nhận QSDĐ số AI 849239, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ H01134 ngày 20/12/2006 mang tên hộ ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Ch. Có các cạnh 7 -8 dài 4.05m; 8-17 dài 41.57 m; 17-18 dài 7.71m; 18-7 dài 38.83m, trị giá 118.656.000 đồng (có sơ đồ kèm theo)

- Tạm giao cho chị Ch quyền sử dụng 902m<sup>2</sup> đất lâm nghiệp tại thôn Dốc, xã Phương S, huyện Lục N, tỉnh B, được đo vẽ tại bản đồ địa chính thửa số 95. Có các cạnh: 8-9 dài 7.73, 9-10 dài 33.40, 10-11 dài 20.87, 11-12 dài 15.77, 12-13 dài 4.40, 13-14 dài 1.30, 14-15 dài 0.63, 15-16 dài 0.43, 16-17 dài 37.35, có trị giá 13.530.000 đồng; 16 cây vải trị giá 47.856.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chị Ch được hưởng là 180.042.000 đồng (có sơ đồ kèm theo)

2. Giao cho anh Nguyễn Văn C được quyền sở hữu và sử dụng thửa đất 617.7 m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở, 417.7m<sup>2</sup> đất vườn), địa chỉ: Thôn Dốc, xã Phương S, huyện Lục N, tỉnh B, tại thửa số 94, tờ bản đồ số 1, Giấy chứng nhận QSDĐ số AI 849239, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ H01134 ngày 20/12/2006, mang tên hộ ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Ch. Có các cạnh: 1-2 dài 8.60; 2-3 dài 0.52; 3-4 dài 14.37; 4-5 dài 7.15; 5-6 dài 5.39; 6-7 dài 9.74; 7- 18 dài 38.38, trị giá 294.372.000 đồng (có sơ đồ kèm theo). Tài sản trên đất có 01 nhà cấp 3, trị giá 105.537.000 đồng; Nhà bếp cũ trị giá 3.976.000 đồng; công trình phụ loại C trị giá 1.255.000 đồng; sân gạch trị giá 3.149.600 đồng; giếng đào trị giá 5.360.000 đồng; 01 giếng khoan trị giá 2.860.000 đồng; nhà tắm trị giá 77.000 đồng; 12 cây vải trị giá 35.892.000 đồng; 1 cây xoài trị giá 1.016.000 đồng; 06 cây



bưởi trị giá 9.354.000 đồng; 02 cây nhãn trị giá 1.516.000 đồng; 01 cây Na trị giá 821.000 đồng, tổng 171.058.600 đồng.

Tổng toàn bộ tài sản anh C được chia là 465.185.600 đồng.

Buộc anh C trích chia giá trị tài sản chênh lệch cho chị Ch 142.571.800 (Một trăm bốn mươi hai triệu năm trăm bảy mươi nghìn tám trăm đồng).

3. Về chi phí đo vẽ thẩm định và định giá tài sản: Anh C thanh toán trả chị Ch 4.600.000 đồng.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Ch, anh C mỗi người phải chịu 16.130.690 đồng án phí DSST. Chị Ch được trừ vào số tiền 5.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí DSST tại Biên lai thu số 0004590 ngày 13/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục N. Chị Ch phải nộp tiếp 11.130.690 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc anh C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0005052 ngày 21/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục N. Xác nhận anh C đã thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của BLDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện Lục N;
- TAND huyện Lục N;
- THADS huyện Lục N;
- Đương sự;
- UBND xã Phương S, huyện Lục Ngạn;
- LưuHS, THCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hà**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Thị Thu Hiền**

**Nguyễn Hải Vinh**

**Trần Thị Hà**

